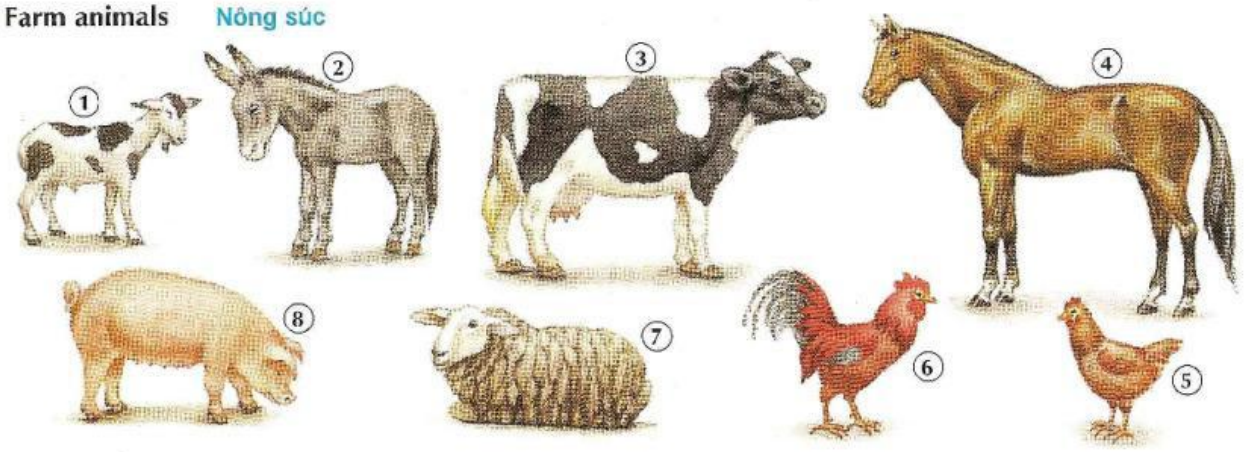
This document is created with trial version of Image2PDF Pilot 2.16.94.

Farm animals Nông súc



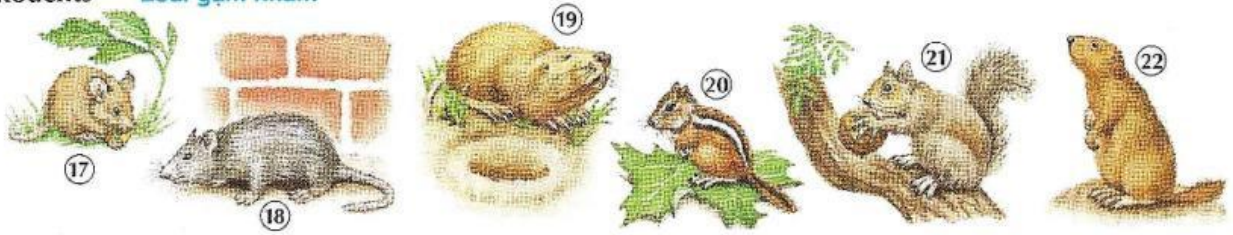
1. goat
   dê
2. donkey
   lừa
3. cow
   bò
4. horse
   ngựa
5. hen
   gà mái
6. rooster
   gà trống
7. sheep
   cừu
8. pig
   heo, lợn

Pets Thú vật nuôi trong nhà



9. cat
   mèo
10. kitten
    mèo con
11. dog
    chó
12. puppy
    chó con
13. rabbit
    thỏ
14. guinea pig
    chuột bạch
15. parakeet
    vẹt đuôi dài
16. goldfish
    cá vàng

Rodents Loài gặm nhấm



17. mouse
    chuột nhắt
18. rat
    chuột lớn
19. gopher
    chuột túi
20. chipmunk
    sóc chuột
21. squirrel
    sóc
22. prairie dog
    sóc chó

More vocabulary

Wild animals live, eat, and raise their young away from people, in the forests, mountains, plains, etc.

Domesticated animals work for people or live with them.

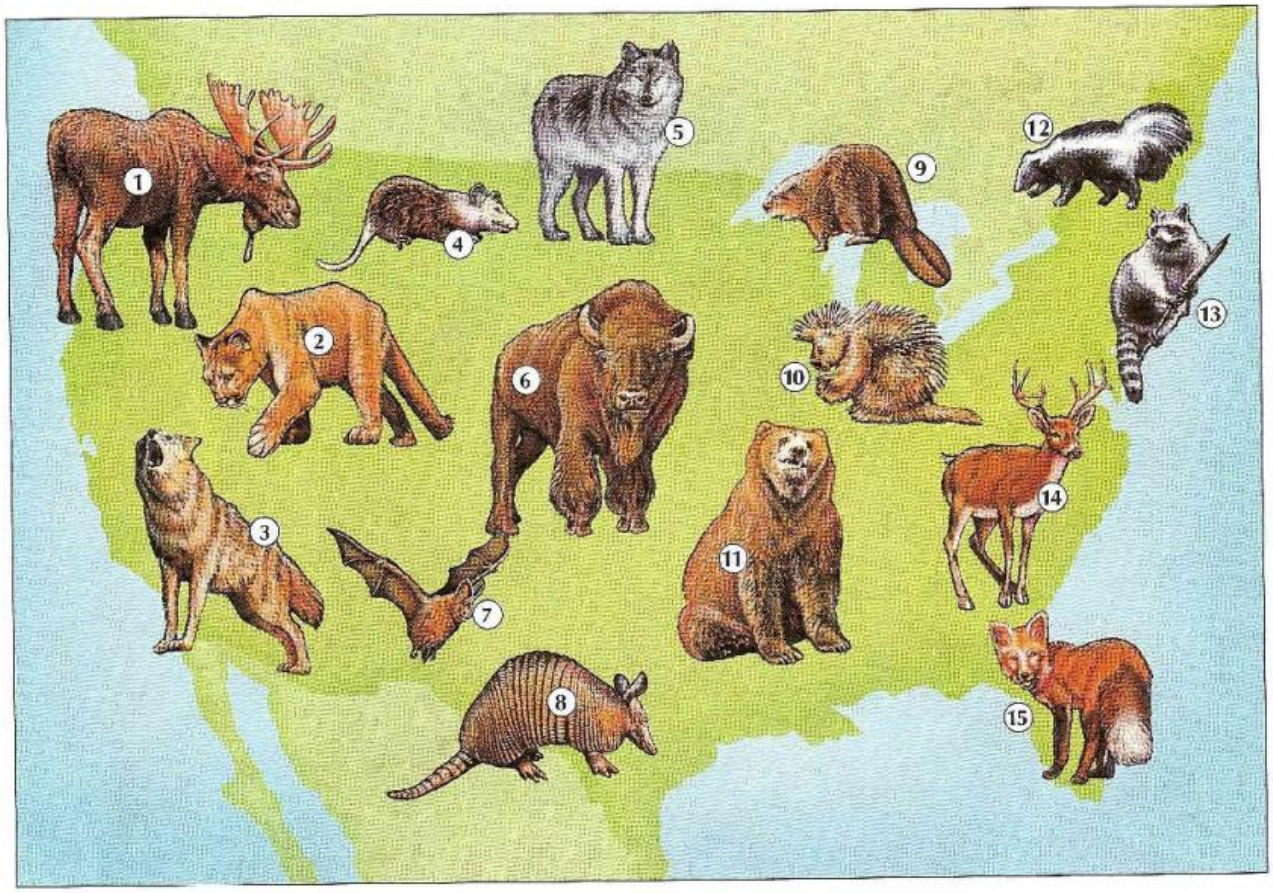
Share your answers.

1. Do you have any pets? any farm animals?
2. Which of these animals are in your neighborhood? Which are not?

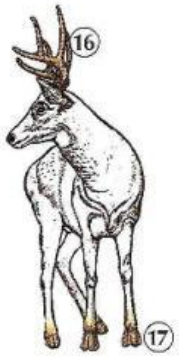
LIVEWORKSHEETS

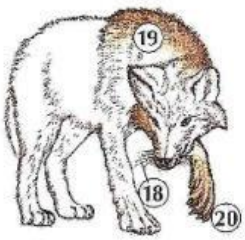
This document is created with trial version of Image2PDF Pilot 2.16.94.

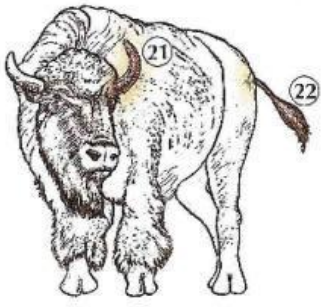
Mammals Động Vật Có Vú



1. moose
   nai Bắc Âu
2. mountain lion
   sư tử núi
3. coyote
   sói đồng cỏ
4. opossum
   ô-pốt-sâm
   (có túi đựng con)
5. wolf
   chó sói
6. buffalo/bison
   bò rừng Bắc Mỹ
7. bat
   dơi
8. armadillo
   con ta tu
9. beaver
   hải li
10. porcupine
    nhím
11. bear
    gấu
12. skunk
    chồn hôi
13. raccoon
    gấu trúc Mỹ
14. deer
    nai
15. fox
    cáo, chồn





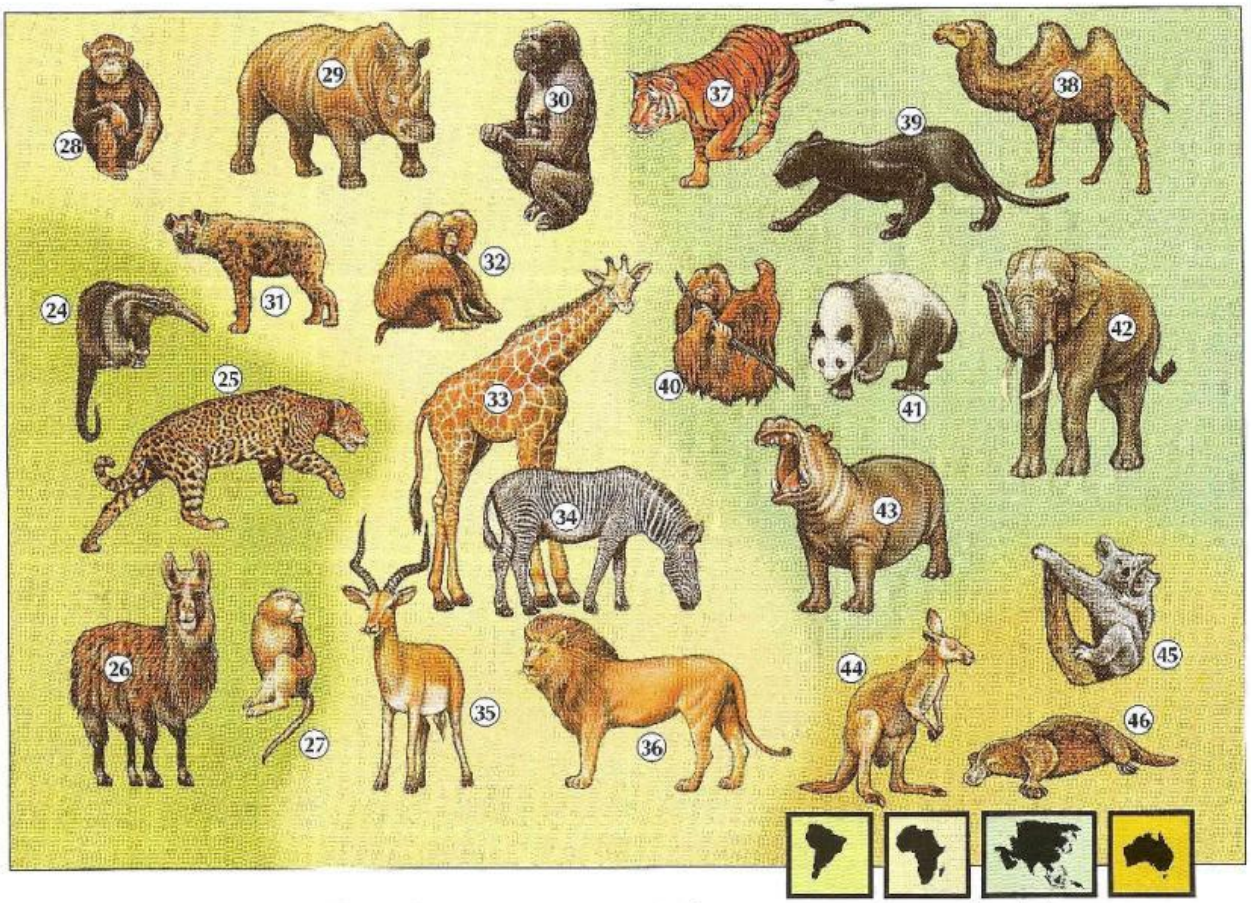




16. antler
    gạc nai
17. hoof
    móng
18. whiskers
    râu mép
19. coat/fur
    bộ lông
20. paw
    bàn chân
21. horn
    sừng
22. tail
    đuôi
23. quill
    lông cánh

LIVEWORKSHEETS

This document is created with trial version of Image2PDF Pilot 2.16.94.



24. anteater
loài ăn kiến

25. leopard
báo

26. llama
lạc đà không bướu

27. monkey
khỉ

28. chimpanzee
tinh tinh

29. rhinoceros
tê giác

30. gorilla
khỉ đột

31. hyena
linh cẩu

32. baboon
khỉ đầu chó

33. giraffe
hươu cao cổ

34. zebra
ngựa vằn

35. antelope
sơn dương

36. lion
sư tử

37. tiger
hổ, cọp

38. camel
lạc đà

39. panther
báo sư tử

40. orangutan
đười ươi

41. panda
gấu trúc

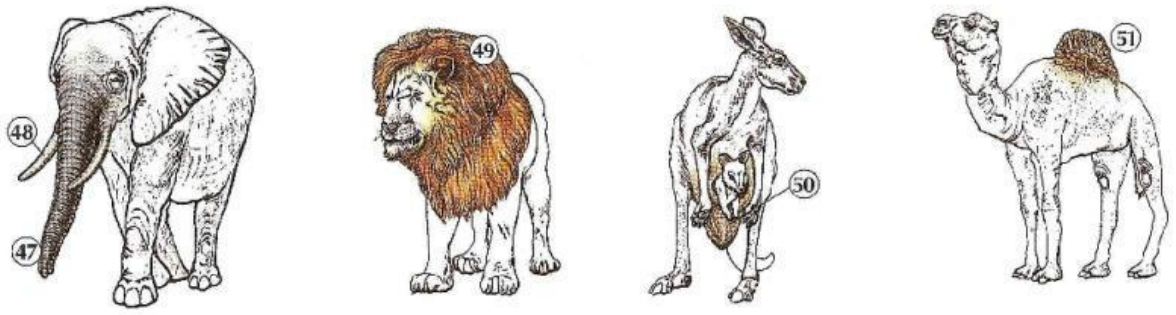
42. elephant
voi

43. hippopotamus
hà mã

44. kangaroo
căng-gu-ru, đại thử

45. koala
gấu túi / cao-lơ

46. platypus
pla-ti-pút



47. trunk
vòi

48. tusk
ngà

49. mane
bờm

50. pouch
túi

51. hump
bướu

LIVEWORKSHEETS